

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: **Luyện kim**;

Chuyên ngành: **Luyện kim bột**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN THỊ HOÀNG OANH**

2. Ngày tháng năm sinh: 06-04-1973; Nam ☐ ; Nữ ☒; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): số nhà 36, phố Bạch Mai, phường Cầu Dền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Phòng 315 nhà C5, Đại học Bách khoa Hà Nội; Số 1 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội. Điện thoại di động: 0936029098

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0936029098; E-mail: oanh.nguyenthihoang@hust.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 1/2007 đến 4/2012: Cán bộ Phòng thí nghiệm Công nghệ vật liệu kim loại, Viện Khoa học và kỹ thuật vật liệu, ĐHBK Hà nội.

Từ 5/2012 đến nay: Giảng viên, Phòng thí nghiệm công nghệ vật liệu kim loại, Viện Khoa học và kỹ thuật vật liệu, ĐHBK Hà nội.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
Từ 4/2014 đến 4/2019: Phó trưởng phòng thí nghiệm Công nghệ vật liệu kim loại, ĐHBK
Hà Nội.

Chức vụ: Hiện nay:; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng phòng thí
nghiệm công nghệ vật liệu kim loại.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Số 1 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 02438680409

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn
nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 16 tháng 07 năm 1996, ngành: Hóa học, chuyên ngành: Hữu cơ

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội,
Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 03 tháng 12 năm 2002, ngành: Khoa học vật liệu, chuyên
ngành: Khoa học vật liệu

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 18 tháng 08 năm 2006, ngành: Khoa học và kỹ thuật vật liệu,
chuyên ngành: Khoa học và kỹ thuật vật liệu.

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Ulsan, Hàn Quốc.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Bách
Khoa Hà nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: **Luyện kim**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu tổng hợp vật liệu cấu trúc vô định hình cơ sở Al
- Nghiên cứu tổng hợp vật liệu tổ hợp nền Cu cốt hạt TiC

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) **01** NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) **01** HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 01 đề tài NCKH Nafosted và 01 đề tài cấp Trường;
- Đã công bố (số lượng) 43 bài báo KH (04 bài báo được chấp nhận đăng), trong đó 15 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín ISI/SCOPUS (02 bài báo đã được chấp nhận đăng)
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản, trong đó thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2014-2015, Quyết định số 2462/QĐ-ĐHBK-KT

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Ứng viên đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn nhà giáo và hoàn thành tốt các nhiệm vụ.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 13 năm 6 tháng thâm niên ngành giáo dục, với 8 năm 02 tháng liên tục giảng dạy.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2013-2014		01	01		247.5		247.5/321.5/280
2	2015-2016		01		01	180		180/262/229.5
3	2016-2017					292.5		292.5/292.5/229.5
3 năm học cuối								
4	2017-2018				02	75		75/195/229.5
5	2018-2019					317.5		317.5/317.5/229.5
6	2019-2020					165	75	240/306/229.5

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

Ghi chú: Ứng viên hiện đang là chủ nhiệm lớp-cổ vấn học tập từ năm học 2015 đến nay, được tính giờ chuẩn 85% định mức theo TT 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, số giờ chuẩn là 229.5 từ năm học 2015-2016 đến nay.

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: Hàn quốc năm 2006

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: **Tiếng Anh**

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Các học phần chương trình tiên tiến Khoa học vật liệu (advanced program in materials science and engineering): Materials laboratory 2, materials laboratory 3, senior pre-graduation practice, senior thesis, independent study in MATSE.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Hoàn thành khóa học tiếng anh trình độ upper-Intermetallic.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/B SNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Vũ Hữu Cường		X	X		12/2011-9/2013	ĐHBK Hà Nội	19-12-2013
2	Lê Hồng Thắng	X			X	10/2011-10/2015	ĐHBK Hà Nội	08-08-2019

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1							
2							
...							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS:

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	Chế tạo hợp kim vô định khối Al82La10Ni4Fe4 bằng hợp kim hóa cơ học và thiêu kết xung điện plasma	CN	T2009-216	04/2009 đến 12/2009	14/12/2009 Xếp loại Tốt
2	Nâng cao cơ tính và điều khiển từ tính của hệ vật liệu Cu-TiC và Cu-TiC-M (M là các hạt nano từ) bằng phương pháp nghiền cơ học và thiêu kết xung điện plasma	CN	NAFOSTED 103.02-2011.49 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia	20/12/2011 đến 20/12/2016	07/07/2017 Xếp loại Khá tốt

Lưu ý:

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

Danh mục bài báo sau bảo vệ tiến sỹ:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
1.	<i>The Cu matrix strengthened by TiH₂-C in-situ synthesized via mechanical milling and spark plasma sintering</i>	2	x	Journal of Nanoscience and Nanotechnology ISSN: 1533-4880 EISSN: 1533-4899	SCIE	-		
2.	<i>Reduction kinetics of mill scale briquettes by using A3 fine coal as a reductant</i>	3	x		SCIE	-		
3.	<i>The investigation of microstructure and properties of in-situ nanocomposite prepared by high energy ball milling and spark plasma sintering</i>	1	x	Tạp chí khoa học công nghệ kim loại ISSN: 1859-4344		-	90	2020
4.	<i>Tổ chức tế vi và độ cứng của gang trắng crôm cao Fe-12.8Cr-3.2C sau nhiệt luyện</i>	2	x			-	90	2020
5.	<i>Microstructure and Electrical Property of Ex-Situ and In-Situ Copper Titanium Carbide Nanocomposites</i>	2	x	Metals ISSN:2075-4701	SCIE, Q2, Q1 in Metallurgy, IF = 2.259	-	10(6), 735 (10 trang)	2020
6.	<i>Precipitation of M₂₃C₆ Secondary Carbide Particles in Fe-Cr-Mn-C Alloy during Heat Treatment Process</i>	2	x	Metals ISSN:2075-4701	SCIE, Q2, Q1 in Metallurgy, IF = 2.259	-	10(2), 157 (10 trang)	2020
7.	Non-isothermal crystallization kinetics of Al-Ni-La bulk metallic glass	1	x	The 4th International Conference on Advanced Materials and Nanotechnology Hanoi, 13-16/10/2019 ISBN: 978-604-950-978-0		-	83-86	2019
8.	<i>Bulk amorphous Ti-based alloy produced by spark plasma sintering</i>	2	x	Tạp chí khoa học công nghệ kim loại ISSN: 1859-4344		-	84, 33-36	2019
9.	<i>Crystallization of Al-Ni-La gas atomized powders</i>	4	x	Tạp chí khoa học công nghệ kim loại ISSN: 1859-4344		-	83, 43-46	2019
10.	<i>Crystallization Kinetics and Consolidation of Al₈₂La₁₀Fe₄Ni₄ Glassy Alloy Powder by Spark Plasma Sintering</i>	4	x	Metals ISSN:2075-4701 8(10), 812; 2018;	SCIE, Q2, Q1 in Metallurg, IF = 1.984 IF ₂₀₁₈ = 2.259	1	8(10), 812 (13 trang)	2018

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
11.	<i>Microstructure investigation of spark plasma siniered nono-sized Cu powders</i>	3	x	Tạp chí khoa học công nghệ kim loại ISSN: 1859-4344		-	80, 35-43	2018
12.	<i>Crysalization kinetics of mechanically milled Ti50Cu25Ni20Sn5 amorphous alloy</i>	2	x	Tạp chí khoa học công nghệ kim loại ISSN: 1859-4344		-	79, 30-34	2018
13.	<i>Structural characterization and magnetic properties of Al82Fe16TM2 (TM: Ti, Ni, Cu) alloys prepared by mechanical alloying</i>	5	x	Journal of Non-Crystalline Solids ISSN: 0022-3093	SCI, Q1, IF: 2.124 IF ₂₀₁₈ =2.6	2	468, 67-73	2017
14.	<i>Structural Investigations of TiC–Cu Nanocomposites Prepared by Ball Milling and Spark Plasma Sintering</i>	4	x	Metals ISSN: 2075-4701	SCIE, Q2, Q1 in Metallurg, IF = 1.984 IF ₂₀₁₈ = 2.259	6	7(4), 123 (11 trang)	2017
15.	<i>Characterization of In-Situ Cu–TiH2–C and Cu–Ti–C Nanocomposites Produced by Mechanical Milling and Spark Plasma Sintering</i>	4	x	Metals ISSN: 2075-4701	SCIE, Q2, Q1 in Metallurg, IF = 1.984 IF ₂₀₁₈ = 2.259	12	7(4), 117 (12 trang)	2017
16.	<i>Crystallization kinetics of mechanically alloyed Al80Fe20 amorphous powder</i>	7	x	Journal of Science and Technology (Technical Universities) – ISSN: 0868-3980		-	119B, 066-070	2017
17.	<i>Reduction and swelling of iron ore pellets by A3 coal</i>	10		Hội nghị về Vật liệu và Công nghệ Nano Tiên tiến-WANN2017 (AIST-HUST) ISBN: 978-604-95-0298-9		-	50-56	2017
18.	<i>Crystallization Kinetics of Al-Fe and Al-Fe-Y Amorphous Alloys Produced by Mechanical Milling</i>	5		Journal of Nanomaterials ISSN: 1687-4110	SCIE, Q2, IF = 1.725 IF ₂₀₁₉ =2.233	5	9 trang	2016
19.	<i>Mechanochemical Synthesis of ZnFe2O4 Powders from Zinc and Magnetite</i>	7		Journal of Science and Technology (Technical Universities) ISSN: 0868-3980		-	112, 85-88	2016
20.	<i>Rietveld Structure Refinement and Cation Distribution of Nanocrystalline Zinc Ferrite ZnFe2O4</i>	6		Hội thảo Khoa học cấp quốc gia Luyện kim và công nghệ vật liệu ISBN: 978-604-95-0019-0		-	178-182	2016
21.	<i>A study on the reduction of iron ore pellets in a bed of non-coking coal</i>	3		Hội thảo Khoa học cấp quốc gia Luyện kim và công nghệ vật liệu ISBN 978-604-95-0019-0		-	201-207	2016

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
22.	<i>ZnO-Fe Nanocomposites Produced by Ball Milling and Spark Plasma Sintering</i>	6		The 13th Asian Foundry Congress (AFC-13), Hanoi Vietnam, October 27 to 29, 2015 ISBN: 978-604-938-550-6		-	103-107	2015
23.	<i>Từ tính của vật liệu Ferit kẽm chế tạo bằng phương pháp nghiền năng lượng cao</i>	5	x	Tạp chí khoa học công nghệ kim loại ISSN: 1859-4344		-	63, 45-48	2015
24.	<i>Tổng hợp ZnFe₂O₄ bằng phương pháp nghiền năng lượng cao</i>	5		Tạp chí khoa học công nghệ kim loại ISSN: 1859-4344		-	63, 33-36	2015
25.	<i>Synthesis and Characterization of Cu-TiC Nanocomposites by Ball Milling and Spark Plasma Sintering</i>	4	x	Materials Science Forum ISSN: 1662-9752	SCOPUS	2	804, 173-176	2015
26.	<i>Thermal Stability of Amorphous Al-Fe-Y Prepared by Mechanical Alloying</i>	5		Materials Science Forum ISSN: 1662-9752	SCOPUS	6	804, 271-274	2015
27.	<i>TiC Dispersion Strengthened Copper Composites Prepared by Mechanical Milling and Spark Plasma Sintering</i>	3	x	The second International Conference on Advanced Materials and Nanotechnology (ICAMN2014) - ISBN:978-604-911-946-0		-	137-141	2014
28.	<i>Bulk Amorphous Al₈₀Fe₂₀ Produced by Mechanical Alloying and Spark-Plasma Sintering</i>	5				-	27-31	2014
29.	<i>Fabrication of Cu-TiC Nano-Composite by Mechanical Milling and Spark Plasma Sintering</i>	5	x	Journal of Science and Technology (Technical Universities) ISSN: 0868-3980		-	100, 90-92	2014
30.	<i>Preparation of ZnFe₂O₄ by self-sustaining reactions process from Fe₃O₄ and Zn</i>	6		The 15th International Symposium on Eco-materials Processing and Design, ISEPD2014, ISBN: 978-89-5708-236-2, Vietnam		-	120-123	2014
31.	<i>Phân tích bằng phương pháp phần tử hữu hạn (FEM) ảnh hưởng của trạng thái ứng suất đến quá trình biến dạng kỹ thuật ép đùn liên tục bằng ma sát qua kênh gấp khúc</i>	4		Tạp chí cơ khí ISSN: 0866-7056		-	7, 65-70	2012
32.	<i>Quan sát sự thay đổi tổ chức tế vi của gang trắng Crome cao sau nhiệt luyện bằng hiển vi điện tử xuyên</i>	4		Tạp chí khoa học công nghệ kim loại ISSN: 1859-4344		-	38, 17-20	2011
33.	<i>Micro-structural evolution of high speed steel matrix composite</i>	4		Proceedings of the 4thAUN – SEED Net		-	119-122	2011

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	<i>reinforced by titanium carbide nanoparticles after raising sintering temperatures</i>			Regional Conference on Materials. December 8–9, 2011, Hanoi, Vietnam ISBN: 978-604-911-003-0; 12/2011				
34.	<i>Mechanical and electrical properties of CNT/Cu matrix composites in high pressure torsion (HPT) processing</i>	4		5th SEATUC South East Asian Technical University Consortium Symposium · SEATUC 2011 ISSN: 1882-5796		-	479-483	2011
35.	<i>Ti-based bulk metallic glasses synthesized by mechanical alloying and spark-plasma sintering</i>	4	x	Conference: Regional Conference on Materials Engineering (RCM-1 2009) : Materials- leading the path of engineers, 16-17 February, 2009, Penang, MalaysiaAt: Universiti Sains Malaysia, Penerbit Universiti Sai		-	377-383	2012
36.	Chế tạo vật liệu vô định hình khối Ti50Cu23Ni20Sn7 bằng hợp kim hóa nghiền cơ học và thiêu kết xung điện plasma	3	x	Tạp chí công nghiệp ISSN: 0868-3778			4, 51-52	2009

Danh mục bài báo trước bảo vệ tiền sỹ:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
37.	<i>Ti50Cu25Ni20Sn5 bulk metallic glass fabricated by powder consolidation</i>	4		Materials Letters ISSN: 0167-577X	ISI, Q1	21	61, 4591-4594	2007
38.	<i>Al-La-Ni-Fe bulk metallic glasses produced by mechanical alloying and spark-plasma sintering</i>	6		Materials Science and Engineering: A	ISI, Q1	56	449–451, 1119-1122	2007
39.	<i>Thermal Stability of Amorphous Ti- Cu- Ni- Sn Prepared by Mechanical Alloying</i>	5	x	Materials Science Forum, ISSN: 1662-9752	SCOPUS	2	534-536, 233-236	2007
40.	<i>Amorphous Alloys and Amorphous-Crystalline Composites Produced by Mechanical Alloying</i>	5		Materials Science Forum, ISSN: 1662-9752	SCOPUS	5	510-511, 290-293	2006

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
41.	Sự hình thành pha của hợp kim Ni-Al khi hợp kim hóa cơ học và kết khối hợp kim bằng thiêu kết xung điện plasma	6		Tạp chí khoa học công nghệ kim loại ISSN: 1859-4344			8, 28-31	2006
42.	Ti-based bulk metallic glasses produced by mechanical alloying and spark plasma sintering	5	x	Hội nghị khoa học lần thứ 20 ĐHBK Hà Nội. Phân ban Khoa học và công nghệ Vật liệu, 10/20006			195-199	2006
43.	Chế tạo vật liệu khối NiAl bằng phương pháp hợp kim hóa cơ học và thiêu kết xung điện plasma	3					79-83	2006

Ghi chú: Số liệu trích dẫn được tổng hợp từ Google Scholar và Research Gate.

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 09 bài báo KH ISI/SCOPUS trong đó 07 bài KH đã công bố và 02 bài báo đã được chấp nhận đăng.

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
2				
...				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 2017-2018/40

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 2017-2018/34.5

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Hoàng Oanh